

DƯỢC ĐIỂN VIỆT NAM VI

MẬT ONG

dung dịch thử phải có các vết phát huỳnh quang tương đương về vị trí và cùng màu với các vết trên sắc ký đồ của dung dịch được liệu đối chiếu.

Độ ẩm

Không quá 12,0 % (Phụ lục 9.6, 1 g, 105 °C, 5 h).

Tro toàn phần

Không quá 6,0 % (Phụ lục 9.8).

Tro không tan trong acid hydrocloric

Không quá 1,0 % (Phụ lục 9.7).

Tạp chất

Không quá 2,0 % (Phụ lục 12.11).

Chất chiết được trong dược liệu

Không ít hơn 10,0 %, tính theo dược liệu khô kiệt.

Tiến hành theo phương pháp chiết nóng (Phụ lục 12.10), dùng *ethanol* 96 % (TT) làm dung môi.

Bảo quản

Bao bì kín, nơi khô ráo.

Tính vị, quy kinh

Vị chất, tính ôn.

Công năng, chủ trị

Sát trùng chỉ lý, thu liễm sẵn da. Chủ trị: Đau bụng ỉa chảy, lý, khí hư bạch đới.

Cách dùng, liều dùng

Ngày dùng từ 20 g đến 60 g, dưới dạng thuốc sắc, hoặc dịch chiết thực rửa âm đạo trị bạch đới.

MÂM XÔI (Quả)

Rubi Fructus

Đùm đũm, Phức bồn tử

Quả chín được làm khô của cây Mâm xôi (*Rubus alceaefolius* Poir.), họ Hoa hồng (Rosaceae). Thu hái vào tháng 5 đến 7, khi quả chín, hái về, loại bỏ tạp chất, phơi hoặc sấy khô.

Mô tả

Dược liệu là quả tụ hình cầu, thường dính với cuống, gồm nhiều quả hạch nhỏ xếp sát nhau thành cụm hình mâm xôi. Quả chín khô màu đỏ thẫm, đường kính khoảng 0,5 cm đến 1,0 cm. Quả hạch nhỏ mang nhiều tua dài, uốn theo nhiều phía, bên trong chứa hạch hình thận. Đầu quả lồi tròn, gốc quả lõm gắn vào cuống và 5 lá đài. Phía trong lá đài có nhiều chỉ nhụy màu nâu đen, rời nhau. Quả có vị chua, hơi ngọt.

Bột

Bột màu nâu đỏ, soi kính hiển vi thấy nhiều lông che chở đơn bào, thành dày, màu nâu nhạt, trơn nhẵn hoặc hơi uốn lượn đường kính khoảng 7 µm đến 12 µm, dài khoảng 70 µm đến 300 µm. Mảnh mang màu đỏ hoặc vàng. Mảnh

biểu bì gồm các tế bào hình đa giác hoặc tế bào dài và dẹt. Tinh thể calci oxalat hình cầu gai đường kính 15 µm đến 25 µm, nằm trong đám mô mềm hoặc rải rác. Rải rác có các mảnh mạch màu vàng nhạt hay nâu đỏ.

Định tính

Phương pháp sắc ký lớp mỏng (Phụ lục 5.4).

Bản mỏng: Silica gel G.

Dung môi khai triển: Chloroform - methanol (9 : 1).

Dung dịch thử: Lấy 1 g bột thô dược liệu, thêm 15 ml *ethyl acetat* (TT), ngâm trong 1 h, thỉnh thoảng lắc, lọc. Bốc hơi dịch lọc trên cách thủy tới cạn. Hòa tan cặn trong 1 ml *ethanol* 96 % (TT).

Dung dịch được liệu đối chiếu: Lấy 1 g bột Mâm xôi (mẫu chuẩn), tiến hành chiết như mô tả ở phần Dung dịch thử.

Cách tiến hành: Chấm riêng biệt lên bản mỏng 15 µl mỗi dung dịch trên, triển khai sắc ký đến khi dung môi đi được khoảng 12 cm, lấy bản mỏng ra, để khô ở nhiệt độ phòng, phun *dung dịch vanilin* 1 % trong *acid sulfuric* (TT), sấy ở 110 °C đến khi rõ vết. Quan sát dưới ánh sáng thường. Trên sắc ký đồ của dung dịch thử phải có các vết tương đương về vị trí và cùng màu với các vết trên sắc ký đồ của dung dịch được liệu đối chiếu.

Độ ẩm

Không quá 15,0 % (Phụ lục 9.6, 1 g, 105 °C, 4 h).

Tạp chất

Không quá 1,0 % (Phụ lục 12.11).

Tro toàn phần

Không quá 10,0 % (Phụ lục 9.8).

Bảo quản

Trong bao bì kín, tránh mốc, mọt, nên dùng trong 3 tháng sau khi làm khô.

Tính vị, quy kinh

Vị ngọt, chua, tính ôn. Vào các kinh can, thận.

Công năng, chủ trị

Ích thận, cố tinh. Chủ trị: Tiểu nhiều lần, tiểu không cầm, hoặc thận hư dẫn đến tảo tiết, di tinh, liệt dương.

Cách dùng, liều lượng

Ngày dùng từ 6 g đến 12 g, dưới dạng thuốc sắc hoặc hoàn.

MẬT ONG

Mel

Mật ong là mật của con Ong mật gốc châu Á (*Apis cerana* Fabricius) hay Ong mật gốc châu Âu (*Apis mellifera* L.), họ Ong mật (Apidae). Mùa thu hoạch theo vùng miền và các loại hoa.

Mô tả

Chất lỏng đặc sánh, hơi trong và dính nhớt, có màu trắng đến màu vàng nhạt hoặc vàng cam đến nâu hơi vàng, khi nếm ăn vào khe họng, ngọt gắt nhưng không khát nước.